

**1115-H Series****BÁNH XE LÒ XO TẢI NẶNG****載重彈簧輪系列**

- Là sản phẩm có bằng sáng chế của Dersheng, giúp chống xóc và tải nặng, có nhiều loại để lựa chọn.
Gồm cangk thép dày và lò xo cao cấp, chất lượng và công nghệ sản phẩm đều vượt trội hơn những sản phẩm cùng loại trên thị trường.
- 屬得勝專利產品，避震，超重負載，多款供選擇。採用超厚板材及高級彈簧，品質、工藝明顯優於市場上同類產品。

**» Đặc điểm 特色區**

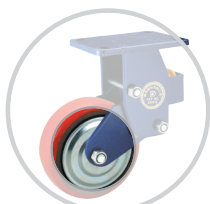
Khóa AK (Dành cho 4" 5" 6" 8")
AK煞(For 4" 5" 6" 8")



Khóa BCD (Khóa giữa)(Dành cho 10")
BCD煞(中煞)(For 10" only)



Các loại bánh xe PU có độ cứng khác nhau
PU輪面可以變化硬度



Nắp chống bụi bằng kim loại
cho bánh xe (tùy chọn)
輪子可附金屬防塵蓋(供選擇)



Nắp chống bụi bằng nhựa
cho bánh xe (tùy chọn)
輪子可附塑膠防塵蓋(供選擇)



Ô bi
滾珠軸承

» Vật liệu bánh xe 輪子選項

Bánh PU lõi gang
鐵芯聚氨酯



Bánh QPU
QPU輪



Bánh QPU lõi nhôm
鋁芯AQPƯ



Bánh cao su NBR không
lấn vết lõi gang
環保牽引NBR



Bánh cao su NBR lõi gang
鐵芯NBR橡膠輪(叉車料)



Bánh EQPU
EQPU輪



Bánh VPU
VPU輪



Bánh VQPU
VQPU輪



Bánh EPU
EPU輪



» Quy cách tấm lắp 底板規格

Kích cỡ bánh xe 腳輪尺寸	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
4" 5" 6" 8"	110 x 140mm (4-11/32" x 5-1/2")	75 x 110 mm(2-15/16" x 4-11/32") (Tấm lắp tiêu chuẩn)(常規標準底板)	12 mm (1/2")
	110 x 140mm (4-11/32" x 5-1/2")	80 x 105 mm(3-5/32" x 4-1/8") (Tấm lắp kiểu Châu Âu)(歐洲底板)	12 mm (1/2")
	130 x 165mm (5-1/8" x 6-1/2")	100 x 130mm (3-15/16" x 5-1/8")	12 mm (1/2")
	114 x 159mm (4-1/2" x 6-1/4")	73.8 x 129.4mm (2-29/32" x 5-3/32")	12 mm (1/2")
10"	130 x 167mm (5-1/8" x 6-9/16")	85 x 140mm (3-11/32" x 5-1/2")	12 mm (1/2")

 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半径
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
100mm x 36mm (4" x 1-7/16")	250 kgs (550 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1115-H-04-33-1	1115-H-04-33-2	1115-H-04-33-4	Ổ bi 滾珠	198mm (7-13/16")	Xoay 96mm 活動 96mm Khóa AK 164mm AK煞 164mm
	250 kgs (550 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm 鋁芯AQPU	1115-H-04-87-1	1115-H-04-87-2	1115-H-04-87-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1115-H-04-80-1	1115-H-04-80-2	1115-H-04-80-4			
100mm x 38mm (4" x 1-1/2")	200 kgs (440 lbs)	Bánh cao su NBR không lẫn vết lõi gang 環保牽引NBR輪	1115-H-04-90-1	1115-H-04-90-2	1115-H-04-90-4			
	200 kgs (440 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1115-H-04-04-1	1115-H-04-04-2	1115-H-04-04-4	Ổ bi 滾珠	210mm (8-9/32")	Xoay 132mm 活動 132mm Khóa AK 194mm AK煞 194mm
125mm x 40mm (5" x 1-9/16")	250 kgs (550 lbs)	Bánh cao su NBR không lẫn vết lõi gang 環保牽引NBR輪	1115-H-05-90-1	1115-H-05-90-2	1115-H-05-90-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1115-H-05-33-1	1115-H-05-33-2	1115-H-05-33-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1115-H-05-04-1	1115-H-05-04-2	1115-H-05-04-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm 鋁芯AQPU	1115-H-05-87-1	1115-H-05-87-2	1115-H-05-87-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1115-H-05-80-1	1115-H-05-80-2	1115-H-05-80-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh EPU EPU輪	1115-H-05-78-1	1115-H-05-78-2	1115-H-05-78-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh EQPU EQPU輪	1115-H-05-81-1	1115-H-05-81-2	1115-H-05-81-4			
150mm x 40mm (6" x 1-9/16")	300 kgs (660 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1115-H-06-90-1	1115-H-06-04-2	1115-H-06-04-4	Ổ bi 滾珠	225mm (8-27/32")	Xoay 146mm 活動 146mm Khóa AK 200mm AK煞 200mm
	300 kgs (660 lbs)	Bánh cao su NBR không lẫn vết lõi gang 環保牽引NBR輪	1115-H-06-04-1	1115-H-06-90-2	1115-H-06-90-4			
150mm x 42mm (6" x 1-5/8")	300 kgs (660 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1115-H-06-33-1	1115-H-06-33-2	1115-H-06-33-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm 鋁芯AQPU	1115-H-06-87-1	1115-H-06-87-2	1115-H-06-87-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1115-H-06-80-1	1115-H-06-80-2	1115-H-06-80-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh EPU EPU輪	1115-H-06-78-1	1115-H-06-78-2	1115-H-06-78-4			
	450 kgs (990 lbs)	Bánh EQPU EQPU輪	1115-H-06-81-1	1115-H-06-81-2	1115-H-06-81-4			
	450 kgs (990 lbs)	Bánh VPU VPU輪	1115-H-06-82-1	1115-H-06-82-2	1115-H-06-82-4			
	550 kgs (1210 lbs)	Bánh VQPU VQPU輪	1115-H-06-83-1	1115-H-06-83-2	1115-H-06-83-4			
150mm x 46mm (6" x 1-13/16")	350 kgs (770 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1115-H-06-04-1	1115-H-06-04-2	1115-H-06-04-4			



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
200mm x 44mm (8" x 1-3/4")	350 kgs (770 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1115-H-08-04-1	1115-H-08-04-2	1115-H-08-04-4	Ổ bi 滾珠	280mm (11-1/32")	Xoay 182mm 活動 182mm Khóa AK 254mm AK煞 254mm
	350 kgs (770 lbs)	Bánh cao su NBR không lõi vết lõi gang 環保牽引NBR輪	1115-H-08-90-1	1115-H-08-90-2	1115-H-08-90-4			
200mm x 50mm (8" x 2")	350 kgs (770 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1115-H-08-33-1	1115-H-08-33-2	1115-H-08-33-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1115-H-08-80-1	1115-H-08-80-2	1115-H-08-80-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh EPU EPU輪	1115-H-08-78-1	1115-H-08-78-2	1115-H-08-78-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm 鋁芯AQPU	1115-H-08-87-1	1115-H-08-87-2	1115-H-08-87-4			
	500 kgs (1100 lbs)	Bánh EQPU EQPU輪	1115-H-08-81-1	1115-H-08-81-2	1115-H-08-81-4			
	500 kgs (1100 lbs)	Bánh VPU VPU輪	1115-H-08-82-1	1115-H-08-82-2	1115-H-08-82-4			
	600 kgs (1320 lbs)	Bánh VQPU VQPU輪	1115-H-08-83-1	1115-H-08-83-2	1115-H-08-83-4			
250mm x 62mm (10" x 2-7/16")	550 kgs (1210 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1115-H-10-80-1	1115-H-10-80-2	1115-H-10-80-4	Ổ bi 滾珠	353mm (13-29/32")	Xoay 213mm 活動 213mm Khóa BCD 255mm BCD煞 255mm
	550 kgs (1210 lbs)	Bánh VPU VPU輪	1115-H-10-82-1	1115-H-10-82-2	1115-H-10-82-4	Ổ bi 滾珠	355mm (14")	
	650 kgs (1430 lbs)	Bánh VQPU VQPU輪	1115-H-10-83-1	1115-H-10-83-2	1115-H-10-83-4	Ổ bi 滾珠	355mm (14")	
250mm x 63mm (10" x 2-1/2")	400 kgs (880 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1115-H-10-04-1	1115-H-10-04-2	1115-H-10-04-4	Ổ bi 滾珠	355mm (14")	
	400 kgs (880 lbs)	Bánh cao su NBR không lõi vết lõi gang 環保牽引NBR輪	1115-H-10-90-1	1115-H-10-90-2	1115-H-10-90-4	Ổ bi 滾珠	353mm (13-29/32")	
254mm x 62mm (10" x 2-7/16")	500 kgs (1100 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1115-H-10-33-1	1115-H-10-33-2	1115-H-10-33-4	Ổ bi 滾珠	353mm (13-29/32")	